| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 133/2020/HC-PT
Ngày: 21-5-2020
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Ngọc Huynh

**Các Thẩm phán:** Ông Phan Đức Phương

Bà Trần Thị Huyền Vân

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 762/2019/TLPT-HC ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2019/HC-ST ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 242/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà Lê Thị N, sinh năm 1957;

Địa chỉ: 097/PT ấp Phước Thới, xã Ph (nay là xã Phước Ngãi), huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

***Người đại diện theo ủy quyền của bà N:*** Ông Võ Trần D, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp Hưng Nghĩa 1, xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (có mặt).

**- Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Minh T - Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 30A Trần Hưng Đạo, khu phố 3, thị trấn Ba Tri, huyện B, tỉnh Bến Tre

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1935 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Phước Thới, xã Ph, huyện B, tỉnh Bến Tre.

***Người dại diện theo ủy quyền của cụ R:***

1/ Ông Trần Quang L, sinh năm 1957 (có mặt);

2/ Ông Trần Quang M, sinh năm 1971 (có mặt);

3/ Ông Trần Quang H, sinh năm 1958 (có mặt);

4/ Ông Trần Quang T1, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Phước Thới, xã Ph, huyện B, tỉnh Bến Tre;

- **Người kháng cáo:** Ông Võ Tấn Th (đại diện người khởi kiện bà Lê Thị N).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo bản án sơ thẩm:**

**Người khởi kiện – bà Lê Thị N và đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Khu nhà, đất thuộc một phần thửa đất 707, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Ph, huyện B, tỉnh Bến Tre hiện nay gia đình bà Lê Thị N đang sử dụng có nguồn gốc do cố Lê Văn H1 (là ông nội của bà N) cất nhà ở từ những năm 1945. Khi cố H1 chết, cha, mẹ của bà N là cụ Lê Văn Đ, Trần Thị N1 tiếp tục sử dụng. Sau khi cụ Đ, cụ N1 chết thì để lại cho gia đình bà N sử dụng đến nay. Trong quá trình sử dụng đất, bà N có đóng thuế, hiện bà N vẫn giữ biên lai. Tuy nhiên, khi kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình bà Nguyễn Thị R, ông Nguyễn Văn Kh đã kê khai luôn phần đất của gia đình bà đang ở. Ngày 20/3/1999 Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550710-00591 cho hộ Nguyễn Văn Kh.

Khi biết Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Nguyễn Văn Kh bao trùm cả phần đất bà N đang sử dụng, bà N đã khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị R cho phù hợp với thực tế chủ sử dụng đất.

Ngày 06/9/2018, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 1817/QĐ-UBND với nội dung thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550710-00591 cấp ngày 20/3/1999 của hộ ông Trần Quang Kh1. Bà N đồng ý với quyết định này.

Do bà Nguyễn Thị R (vợ của Nguyễn Văn Kh) khiếu nại quyết định Quyết định số 1817/QĐ-UBND nêu trên.

Ngày 08/01/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 32/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị R với nội dung thu hồi Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Bà Lê Thị N cho rằng Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị R đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N nên bà N yêu cầu hủy quyết định này.

**Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và ông Trần Văn Lâm là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị R, thu hồi Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B là đúng quy định pháp luật.

Căn cứ của việc ban hành quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B:

Ủy ban hân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất thửa 707 tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Ph, huyện B, tỉnh Bến Tre cho ông Trần Quang Kh1 vào năm 1999 trên cơ sở Nguyễn Văn Kh kê khai đăng ký phần đất này.

Năm 2017, bà N khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Quang Kh1. Vụ việc đã được Ủy ban nhân dân xã Ph mời hai bên đến thương lượng nhưng không thành, hồ sơ chuyển về Ủy ban nhân dân huyện B thụ lý. Qua kiểm tra, khi xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Quang Kh1, hội đồng xét duyệt xã Ph chưa kiểm tra hiện trạng và làm rõ việc sử dụng đối với thửa đất số 707, tờ bản đồ số 01, xã Ph mà lại xác nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Quang Kh1. Nhận thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Quang Kh1 là chưa phù hợp nên ngày 06/9/2018 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1817/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550710-00591 cấp ngày 20/3/1999 của hộ ông Trần Quang Kh1.

Không đồng ý với Quyết định số 1817/QĐ-UBND nên bà Nguyễn Thị R (vợ của ông Trần Quang Kh1) đã khiếu nại. Quá trình giải quyết khiếu nại của bà R, Ủy ban nhân dân huyện B đã tiến hành xác minh và tiến hành đối thoại với bà R, bà N. Theo kết quả xác minh và đối thoại thì bà N thừa nhận thửa đất số 707, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại xã Ph có nguồn gốc của gia đình ông Trần Quang T2. Trên thửa đất này ông T2 có cho bà Trần Thị N1 và bà Lê Thị N cất nhà ở

nhờ. Sau đó, ông T2 cho Nguyễn Văn Kh phần đất thửa 707 bao gồm phần đất bà N đang ở, Nguyễn Văn Kh tiếp tục cho bà N ở nhờ như ý chí của cụ T2.

Từ những cơ sở nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện B nhận thấy việc ban hành Quyết định số 1817/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550710-00591 cấp ngày 20/3/1999 của hộ ông Trần Quang Kh1 là chưa phù hợp. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 để thu hồi Quyết định số 1817/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550710-00591 cấp ngày 20/3/1999 của hộ ông Trần Quang Kh1 theo đơn khiếu nại của bà R.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị R do người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Trước đây, cụ Trần Quang T2 (cha của ông Trần Quang Kh1, cha chồng của bà Nguyễn Thị R) được thừa hưởng một khu đất giồng tọa lạc tại xã Ph, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trước năm 1975, cụ Trần Quang T2 có cho bà Trần Thị N1 (mẹ của bà Lê Thị N) cất nhà ở nhờ trên một phần của khu đất giồng này. Sau đó, cụ T2 phân chia phần đất giồng cho 3 người con gồm: Trần Quang Ng, Trần Quang Kh1, Trần Quang Đ1. Phần đất của Nguyễn Văn Kh được chia trong đó có một phần đất gia đình cụ N1 đang ở nêu trên. Sau khi cụ T2 chết, Nguyễn Văn Kh tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất đã được phân chia và vẫn cho bà N1 ở nhờ.

Khi Nhà nước đo đạc thành lập bản đồ địa chính xã Ph, phần đất mà Nguyễn Văn Kh quản lý và phần đất bà N1 cất nhà ở được đo đạc tạo thành thửa số 707, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.421m$^2$. Nguyễn Văn Kh đại diện hộ gia đình kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550710-00591 ngày 20/3/1999 trong đó có thửa 707 và 5 thửa đất khác cho Nguyễn Văn Kh. Do hoàn cảnh gia đình cụ N1, bà N khó khăn nên mặc dù được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Nguyễn Văn Kh vẫn để cho bà N1 ở nhờ và bà N ở đến hết đời.

Năm 2008, bà N1 chết để lại căn nhà cho con là Lê Thị N tiếp tục quản lý sử dụng. Sau khi Nguyễn Văn Kh chết, vợ và các con Nguyễn Văn Kh cũng đồng ý cho bà N ở hết đời như lời hứa của Nguyễn Văn Kh trước đây.

Năm 2017, bà N khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Quang Kh1.

Ngày 06/9/2018 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1817/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550710-00591 cấp ngày 20/3/1999 của hộ ông Trần Quang Kh1. Sau đó, cụ Nguyễn Thị R khiếu nại Quyết định này.

Ngày 08/01/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 32/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của cụ Nguyễn Thị R, thu hồi Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Cụ R xác định Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B là phù hợp, đúng thực tế việc sử dụng đất. Cụ R yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà N.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2019/HC-ST ngày 03 tháng 10 năm 2019, Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:**

*Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;*

*Căn cứ khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;*

*Tuyên xử:*

*Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của cụ Nguyễn Thị R, thường trú ấp Phước Thới, xã Ph, huyện B, tỉnh Bến Tre.*

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, người khởi kiện bà Lê Thị N (do ông Võ Tấn Th đại diện theo ủy quyền) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, xem xét hủy Quyết định hành chính số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

**Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N do ông Võ Trần D trình bày:**

Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị N. Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà N. Hủy toàn bộ Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, với lý do: Quyết định này xác định căn cứ vào nguồn gốc đất không đúng. Lời khai của gia đình bà R là cho gia đình bà N ở nhờ là không đúng. Bà N cùng gia đình chưa bao giờ khai được cho ở nhờ đất. Việc đơn khởi kiện nêu cho ở nhờ trên đất là bà N trích dẫn lại nội dung các Quyết định của Ủy ban nêu và phần này Ủy ban nêu là không đúng với thực tế. Đất này là của ông bà của bà N để lại chứ không phải ở nhờ. Đồng thời, đề nghị xem xét lại trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà R đối với thửa đất này. Việc Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550710-00591 cho hộ gia đình ông Trần Quang Kh1 vào ngày 20/3/1999 và ngày 08/01/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 32/QĐ-UBND để thu hồi Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N.

**Những người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị R trình bày:**

Không đồng ý kháng cáo của bà Lê Thị N về việc yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án**:

- Việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị R là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo cũng không xuất trình được những tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí của đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa, người bị kiện Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B tỉnh Bến Tre vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre là đúng theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[1.4] Theo quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính thì mặc dù bà N chỉ khởi kiện Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, nhưng khi xem xét quyết định này thì Tòa án cần phải xem xét các quyết định khác có liên quan, đó là Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Uỷ ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre và tính hợp pháp của việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Văn Kh đối với phần đất gia đình bà N đang sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện B vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1.1] Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng chưa đủ cơ sở để xác định gia đình cụ Trần Thị N1 trước đây, cũng như bà Lê Thị N sau này được cụ Trần Quang T2 và ông Trần Quang Kh1 cho ở nhờ. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết khiếu nại của các cấp cơ quan địa phương cũng như quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm không có lời khai nào của phía bà N xác định phần đất gia đình bà N đang sử dụng là ở nhờ. Trong bản án sơ thẩm nhận định rằng bà N khai gia đình bà N ở nhờ trên đất của gia đình Nguyễn Văn Kh là chưa chính xác, vì tuy trong đơn khởi kiện bà N có nêu nội dung này, nhưng đây là phần nội dung bà N viện dẫn nội dung của Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre, chứ không phải bà N thừa nhận khu đất mình đang ở là được ở nhờ.

[2.1.2] Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án để chứng minh nguồn gốc đất của gia đình ông Trần Quang Kh1, cụ Nguyễn Thị R đều là bản photo, không có công chứng, chứng thực; Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Nguyễn Văn Kh để làm căn cứ giải quyết vụ án. Thực tế, các đương sự đều thừa nhận phần đất gia đình bà N đã sử dụng từ năm 1954 và có cất nhà để ở liên tục đến nay. Trong quá trình sử dụng đất, gia đình bà N có đóng thuế đối với thửa đất đang sử dụng. Cụ T2, Nguyễn Văn Kh khi còn sống cũng không có yêu cầu đòi lại phần đất này.

[2.1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bà N và những người đại diện theo ủy quyền của bà R đưa ra thông tin rằng, sau khi Nguyễn Văn Kh chết thì vào năm 2015 đã phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hai bên gia đình. Đây là tình tiết mới mà các đương sự khai tại phiên tòa phúc thẩm. Trong khi đó, phần đất tranh chấp nêu trên còn có nhà và nhiều tài sản khác của gia đình bà N, nhưng Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B lại có nội dung giải quyết về tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình bà R với gia đình của bà N là không đúng thẩm quyền.

[2.2] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, những thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không thể khắc phục được tại phiên tòa phúc thẩm và có những tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm cần phải xác minh làm rõ thì mới đủ căn cứ để xét xử vụ án đảm bảo đúng quy định của

pháp luật và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được quyết lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[3.2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị N không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị N (do ông Võ Trần D đại diện theo ủy quyền).

2. Tuyên xử:

2.1. Huỷ toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2019/HC-ST ngày 03/10/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2.2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị N không phải chịu.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- NKK (1);
- NBK (2);
- NLQ (1);
- Lưu (6). HS (2). 17b (Án-NTTAM)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Huynh**